

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 30 tháng 6 năm 2021**

---

**Hà Nội, tháng 8 năm 2021**

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng,  
Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam

---

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	11 - 47

# TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng,  
Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là “Tổng Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Ông Lương Đình Thành	Ủy viên - Phụ trách Hội đồng Quản trị
Ông Nghiêm Quang Huy	Ủy viên
Ông Phạm Văn Khánh	Ủy viên
Ông Trần Hải Bằng	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2021)
Ông Chu Thanh Hải	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2021)

#### Ban Tổng Giám đốc

Ông Phan Từ Giang	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 06 tháng 8 năm 2021)
Ông Lương Đình Thành	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 06 tháng 8 năm 2021)
Ông Nguyễn Trung Trí	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Đồng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Sơn Trường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 03 tháng 6 năm 2021)
Ông Chu Thanh Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Chí Cường	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 03 tháng 6 năm 2021)

#### Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Lương Đình Thành - Ủy viên Hội đồng Quản trị - Phụ trách Hội đồng Quản trị.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Ông Lương Đình Thành - Ủy viên Hội đồng Quản trị - Phụ trách Hội đồng Quản trị là người đại diện theo pháp luật, đã ủy quyền cho Ông Chu Thanh Hải - Phó Tổng Giám đốc phê duyệt và ký báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 theo Giấy Ủy quyền số 1222/UQ-XLTK ngày 02 tháng 8 năm 2021.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Chu Thanh Hải**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 2021

Số: 375 /VACO/BCSX.NV2

## BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi:** Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Tổng Công ty") được lập ngày 27 tháng 8 năm 2021, từ trang 5 đến trang 47, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (gọi chung là "báo cáo tài chính giữa niên độ").

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo. Tuy nhiên, do các vấn đề mô tả tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận", chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp để làm cơ sở đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

### Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận

- Như trình bày tại Thuyết minh số 2 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, lỗ lũy kế của Tổng Công ty là khoảng 3.748,3 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: khoảng 3.712,2 tỷ VND), nợ phải trả ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn khoảng 750,9 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: khoảng 727 tỷ VND). Tổng Công ty đang thiếu hụt vốn lưu động để thanh toán các khoản nợ đến hạn. Các khoản nợ quá hạn thanh toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 chủ yếu bao gồm số dư gốc vay khoảng 604,6 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: khoảng 690,4 tỷ VND). Các yếu tố này dẫn tới nghi ngờ về khả năng tiếp tục hoạt động của Tổng Công ty. Khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty phụ thuộc vào kế hoạch thu hồi các khoản công nợ, tái cơ cấu các khoản đầu tư, hoàn thành và quyết toán các công trình đang dở dang để thu hồi tiền, các hỗ trợ tài chính từ các cổ đông và các chủ nợ. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về các kế hoạch hoạt động này. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được lập với giả định Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục có phù hợp hay không.
- Như trình bày tại Thuyết minh số 8 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Tổng Công ty có số dư khoản phải thu cho Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh vay để hỗ trợ vốn sản xuất kinh doanh của Khách sạn Lam Kinh với số tiền là 200 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 200 tỷ VND) và số dư dự phòng đã trích lập cho khoản phải thu này là khoảng 124,4 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 124,4 tỷ VND). Chúng tôi không thể thu thập được các bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến giá trị có thể thu hồi của khoản phải thu này tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.
- Như trình bày tại Thuyết minh số 11 và Thuyết minh số 15 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, số dư chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang của dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 và dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch 1 có giá gốc lần lượt là khoảng 245,1 tỷ VND và 25,8 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: khoảng 245,1 tỷ VND và 25,8 tỷ VND). Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Tổng Công ty đang làm việc với các cơ quan có thẩm quyền để: (1) xem xét điều chỉnh giá trị phát sinh chưa lường hết của dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 và; (2) nghiệm thu, quyết toán chi phí của Tổng Công ty thực hiện tại dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch 1. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến giá trị thuần có thể thực hiện được của các chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang nêu trên tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

CHỖ CHỮ KÝ  
2  
10/2021

**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

**Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận (Tiếp theo)**

4. Như trình bày tại Thuyết minh số 15 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, số dư chi phí xây dựng cơ bản dở dang tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 bao gồm các dự án đã tạm dừng thi công từ các năm trước là (1) Dự án Khu đô thị Đại học Dầu khí và (2) Dự án Khu công nghiệp Dầu khí Tiền Giang với tổng số tiền là khoảng 5,7 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: khoảng 5,7 tỷ VND). Chúng tôi không thể thu thập được các bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến khả năng mang lại lợi ích kinh tế trong tương lai của các dự án này. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.
5. Như trình bày tại Thuyết minh số 19 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Tổng Công ty có (1) khoản đầu tư vào một số công ty con và công ty liên kết là Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Bình Sơn, Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình, Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí, Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa, Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung và Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An với tổng giá trị ghi sổ và giá trị dự phòng cho các khoản đầu tư này lần lượt là khoảng 1.065 tỷ VND và 510 tỷ VND; (2) khoản đầu tư vào các công ty liên kết còn lại và các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (không bao gồm Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long) với tổng giá trị ghi sổ và tổng giá trị dự phòng của các khoản đầu tư lần lượt là khoảng 577 tỷ VND và 512 tỷ VND. Chúng tôi không thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này cũng như không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán thay thế để đánh giá về giá trị dự phòng cần phải trích lập tại ngày 30 tháng 6 năm 2021. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

**Từ chối đưa ra kết luận**

Do tầm quan trọng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp để làm cơ sở đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Do đó, chúng tôi không đưa ra kết luận nào về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

**Các vấn đề cần nhấn mạnh**

- Như trình bày tại Thuyết minh số 1 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020, các số liệu này chưa được soát xét bởi một Công ty kiểm toán độc lập.
- Như trình bày tại Thuyết minh số 35 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Tổng Công ty có một số khoản công nợ tiềm tàng và chưa có kết quả cuối cùng về các nghĩa vụ liên quan của Tổng Công ty.

Việc từ chối đưa ra kết luận của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề này.



**Lê Xuân Thắng**  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 0043-2016-156-1  
Thay mặt và đại diện cho  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**  
Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 2021

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>3.611.761.551.763</b>	<b>3.791.777.541.801</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>37.528.249.298</b>	<b>129.379.797.745</b>
1. Tiền	111		37.528.249.298	77.079.797.745
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	52.300.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5</b>	<b>715.000.000</b>	<b>715.000.000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		14.600.000.000	14.600.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(13.885.000.000)	(13.885.000.000)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>2.166.403.015.581</b>	<b>1.890.509.855.707</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	1.844.455.534.597	1.616.956.861.780
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	621.411.537.949	606.878.143.116
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	372.860.832.610	375.924.956.451
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	294.291.089.455	274.204.630.001
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(967.340.967.056)	(984.179.723.667)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		724.988.026	724.988.026
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>11</b>	<b>1.318.964.518.885</b>	<b>1.683.712.148.211</b>
1. Hàng tồn kho	141		1.340.868.955.613	1.705.616.584.939
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(21.904.436.728)	(21.904.436.728)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>88.150.767.999</b>	<b>87.460.740.138</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	249.290.403	219.639.521
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		64.398.900.389	65.908.235.150
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	22	23.502.577.207	21.332.865.467

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.206.818.867.567</b>	<b>1.219.817.680.819</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>10.102.824.398</b>	<b>10.102.824.398</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	9	10.102.824.398	10.102.824.398
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>7.918.992.211</b>	<b>8.979.943.707</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	7.754.352.211	8.780.023.707
- Nguyên giá	222		82.446.480.974	82.446.480.974
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(74.692.128.763)	(73.666.457.267)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	164.640.000	199.920.000
- Nguyên giá	228		5.005.180.340	5.005.180.340
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.840.540.340)	(4.805.260.340)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>15</b>	<b>168.299.024.436</b>	<b>168.299.024.436</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		24.471.433.315	24.471.433.315
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		143.827.591.121	143.827.591.121
<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>1.009.810.667.964</b>	<b>1.021.660.561.457</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	16	1.384.909.968.398	1.752.412.574.396
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	17	1.102.952.073.053	735.449.467.055
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	18	191.595.000.000	191.595.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	19	(1.669.646.373.487)	(1.657.796.479.994)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>10.687.358.558</b>	<b>10.775.326.821</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	10.687.358.558	10.775.326.821
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>4.818.580.419.330</b>	<b>5.011.595.222.620</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**  
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>4.489.414.218.001</b>	<b>4.646.320.430.494</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>4.362.620.629.705</b>	<b>4.518.802.921.422</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	20	2.724.633.665.332	2.758.769.254.840
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	21	172.190.189.363	140.270.770.149
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	22	34.158.795.509	1.629.162.203
4. Phải trả người lao động	314		25.683.599.887	24.258.699.417
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	23	330.427.142.513	361.463.387.688
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		1.447.841.545	1.447.841.545
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	24	377.057.473.738	367.176.404.628
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	25	704.303.132.891	871.068.612.025
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		(7.281.211.073)	(7.281.211.073)
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>126.793.588.296</b>	<b>127.517.509.072</b>
1. Chi phí phải trả dài hạn	333	23	71.064.369.884	71.064.369.884
2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		55.699.697.477	56.423.618.253
3. Phải trả dài hạn khác	337	24	29.520.935	29.520.935
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>329.166.201.329</b>	<b>365.274.792.126</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>26</b>	<b>329.166.201.329</b>	<b>365.274.792.126</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		4.000.000.000.000	4.000.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		4.000.000.000.000	4.000.000.000.000
2. Cổ phiếu quỹ	415		(29.710.000)	(29.710.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		76.986.992.734	76.986.992.734
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		500.000.000	500.000.000
5. Lợi nhuận, lỗ sau thuế chưa phân phối	421		(3.748.291.081.405)	(3.712.182.490.608)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(3.712.182.490.608)	(3.559.903.183.485)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(36.108.590.797)	(152.279.307.123)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>4.818.580.419.330</b>	<b>5.011.595.222.620</b>




**Vũ Thị Châm**  
 Người lập biểu



**Nguyễn Đức Tuấn**  
 Kế toán trưởng



  
**Chu Thanh Hải**  
 Phó Tổng Giám đốc  
 Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 2021

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		412.963.119.389	159.567.945.306
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	28	412.963.119.389	159.567.945.306
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	29	417.595.290.135	157.384.588.882
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		(4.632.170.746)	2.183.356.424
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	115.938.317	2.701.262.521
7. Chi phí tài chính	22	31	24.086.010.319	29.585.354.515
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		9.076.260.007	10.062.931.276
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	32	8.208.565.197	29.230.360.330
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		(36.810.807.945)	(53.931.095.900)
11. Thu nhập khác	31		1.167.002.043	6.269.775.001
12. Chi phí khác	32		464.784.895	518.147.153
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		702.217.148	5.751.627.848
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(36.108.590.797)	(48.179.468.052)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		(36.108.590.797)	(48.179.468.052)

Y  
IN  
HÀ NỘI

Vũ Thị Châm  
Người lập biểu

Nguyễn Đức Tuấn  
Kê toán trưởng



Chu Thanh Hải  
Phó Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 2021

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(36.108.590.797)	(48.179.468.052)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	1.060.951.496	2.616.429.546
- Các khoản dự phòng	03	(4.988.863.118)	(173.413.955.927)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(18.488.975)	751.820.650
- (Lãi)/ Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(26.826.200)	185.205.991.750
- Chi phí lãi vay	06	9.076.260.007	10.062.931.276
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(31.005.557.587)	(22.956.250.757)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(271.328.223.318)	46.072.947.439
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	364.747.629.326	(59.174.631.722)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	9.889.897.710	(36.996.807.403)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	58.317.381	1.915.060.512
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	136.068.065.000
- Tiền lãi vay đã trả	14	(6.675.596.937)	(7.206.575.244)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	1.166.800.000	5.141.700.540
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.033.411.010)	(4.994.374.297)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	65.819.855.565	57.869.134.068
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(20.000.000.000)
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	1.692.944.574	63.550.729.626
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	7.326.979.513	15.039.640.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	71.686.474	1.408.576.598
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	9.091.610.561	59.998.946.224

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**  
*(Theo phương pháp gián tiếp)*  
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	53.452.754.738	34.515.336.117
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(220.218.233.872)	(74.390.260.411)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>(166.765.479.134)</i>	<i>(39.874.924.294)</i>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>(91.854.013.008)</b>	<b>77.993.155.998</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>129.379.797.745</b>	<b>137.755.310.180</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	2.464.561	(235.044.928)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>37.528.249.298</b>	<b>215.513.421.250</b>

Vũ Thị Châm  
Người lập biểu

Nguyễn Đức Tuấn  
Kế toán trưởng



Chu Thanh Hải  
Phó Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 2021

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo*

### **1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”), thành viên của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN), tiền thân là Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí, được thành lập tại Việt Nam trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí theo Quyết định số 532/QĐ-TCCB ngày 26 tháng 3 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 4903000232 ngày 13 tháng 3 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp.

Tại Nghị quyết số 3604/NQ-DKVN ngày 26 tháng 10 năm 2007, Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã thông qua đề án chuyển đổi Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí thành Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0103021423 ngày 20 tháng 12 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Ngày 19 tháng 8 năm 2009, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã chính thức chấp thuận cho Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là PVX.

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 19 ngày 06 tháng 11 năm 2020, tổng vốn điều lệ của Tổng Công ty là 4.000.000.000.000 VND, được chia thành 400.000.000 cổ phần, trong đó vốn Nhà nước do Tập đoàn Dầu khí Việt Nam nắm giữ là 2.178.733.330.000 VND, chiếm 54,47%, còn lại là các cổ đông khác.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 là 248 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 265).

#### **Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty bao gồm:

- Gia công chế tạo, lắp đặt các chân đế giàn khoan và các kết cấu kim loại khác; thiết kế, chế tạo các bồn chứa xăng dầu, khí hóa lỏng, chứa nước, bồn chịu áp lực và hệ thống ống công nghệ; sản xuất các sản phẩm cơ khí, chống ăn mòn kim loại, bảo dưỡng và sửa chữa các chân đế giàn khoan, tàu thuyền và các phương tiện nội; gia công ren ống, sản xuất khớp nối, đầu nối và các phụ kiện phục vụ trong lĩnh vực khoan, khai thác dầu khí, công nghiệp.
- Kinh doanh vật tư thiết bị xây dựng dầu khí; khảo sát, thiết kế, tư vấn đầu tư xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp vừa và nhỏ; đầu tư, xây dựng các dự án hạ tầng, cầu đường, công trình dân dụng và công nghiệp; kinh doanh nhà ở và các cơ sở hạ tầng kỹ thuật; san lấp mặt bằng; xây dựng các công trình thủy lợi, đê kè bên cảng.
- Lắp đặt hệ thống máy móc thiết bị công nghệ, thiết bị điều khiển, tự động hóa trong các nhà máy công nghiệp; lắp đặt các hệ thống đường dây tải điện đến 35KV, các hệ thống điện dân dụng và công nghiệp khác.
- Khoan phá đá nổ mìn, khai thác mỏ, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; khảo sát, duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa các công trình dầu khí (ngoài biển và trên đất liền), các công trình dân dụng và công nghiệp; sản xuất và kinh doanh bê tông thương phẩm; đầu tư xây dựng, khai thác và quản lý chợ.
- Kinh doanh bất động sản, đầu tư xây dựng các khu công nghiệp, cơ sở hạ tầng giao thông, xây dựng đô thị, văn phòng, nhà ở, xây dựng các dự án hạ tầng, các công trình thủy lợi, đê kè, cảng sông, cảng biển, cầu đường, công trình dân dụng và công nghiệp, kinh doanh đô thị và văn phòng, siêu thị và nhà ở.
- Đầu tư xây dựng, các nhà máy chế tạo cơ khí thiết bị phục vụ ngành dầu khí; các nhà máy đóng tàu vận tải dầu, khí, hoá chất, nhà máy đóng giàn khoan; các nhà máy xi măng và sản xuất vật liệu xây dựng.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo*

### **1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)**

#### **Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)**

- Đầu tư công nghệ cao trong lĩnh vực xây dựng nhà cao tầng; lắp đặt, duy tu bảo dưỡng và sửa chữa các công trình dầu khí (ngoài khơi và trên biển), các chân đế khoan, các kết cấu kim loại, các bồn bể chứa (xăng dầu, khí hoá lỏng, nước), bình chịu áp lực và hệ thống công nghệ, các công trình dân dụng và công nghiệp; tư vấn đầu tư xây dựng các công trình dầu khí, công trình dân dụng và công nghiệp.
- Đóng tàu vận tải dầu, khí, hoá chất; đóng giàn khoan đất liền, ngoài biển; chế tạo cơ khí phục vụ ngành dầu khí, đóng tàu và kinh doanh cảng sông, cảng biển; chế tạo và cung cấp các loại ống chống cần khoan, ống nối, khớp nối, đầu nối và các phụ kiện phục vụ trong lĩnh vực dầu khí, công nghiệp; thi công xây dựng các công trình dầu khí (trên bờ, ngoài biển) các công trình công nghiệp và dân dụng, cảng sông, cảng biển; thi công các công trình giao thông, thủy lợi; sản xuất các sản phẩm công nghiệp (các nhà máy bê tông, thủy điện, điện khí...); sản xuất kinh doanh các sản phẩm cơ khí, các vật liệu xây dựng, khoan, phá đá nổ mìn, khai thác mỏ, sản xuất công nghiệp (các nhà máy bê tông, thủy điện, điện khí); vận chuyển dầu và khí hoá lỏng, hoá chất; kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị xây dựng dầu khí; thương mại và dịch vụ tổng hợp.
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật thí nghiệm và mẫu cơ, lý, hóa, vật liệu xây dựng; kinh doanh lắp đặt các thiết bị phòng cháy chữa cháy; đầu tư xây dựng và kinh doanh các công trình hầm đường bộ.

#### **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng ngoại trừ một số công trình đặc thù của hoạt động xây lắp có thời gian trên 12 tháng.

#### **Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Công ty mẹ - Tổng Công ty gồm Văn phòng Tổng Công ty và 06 đơn vị phụ thuộc sau:

- Ban điều hành dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2;
- Ban điều hành dự án Vũng Áng - Quảng Trạch;
- Ban điều hành các dự án PVC phía Nam;
- Ban điều hành dự án Nhà máy xơ sợi tổng hợp Polyester;
- Ban điều hành dự án Nhà máy Ethanol Phú Thọ; và
- Chi nhánh Xây lắp công trình Dầu khí phía Bắc.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Tổng Công ty có 07 công ty con như trình bày tại Thuyết minh số 16 và 12 công ty liên kết như trình bày tại Thuyết minh số 17.

#### **Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020, các số liệu này chưa được soát xét bởi một Công ty kiểm toán độc lập.

### **2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỶ KẾ TOÁN**

#### **Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo*

### **2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỶ KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

#### **Giả định hoạt động liên tục**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, lỗ lũy kế của Tổng Công ty là khoảng 3.748,3 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: khoảng 3.712,1 tỷ VND) và nợ phải trả ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn khoảng 750,9 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: khoảng 727 tỷ VND). Tổng Công ty đang thiếu hụt vốn lưu động để thanh toán các khoản nợ đến hạn. Các khoản nợ quá hạn thanh toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 chủ yếu bao gồm số dư gốc vay là khoảng 604,6 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: khoảng 690,4 tỷ VND). Khả năng tiếp tục hoạt động của Tổng Công ty phụ thuộc vào kế hoạch thu hồi các khoản công nợ, tái cơ cấu các khoản đầu tư, hoàn thành và quyết toán các công trình đang dở dang để thu hồi tiền, các hỗ trợ tài chính từ các cổ đông và các chủ nợ. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc đang thực hiện các kế hoạch để đảm bảo khả năng tiếp tục hoạt động của Tổng Công ty.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty quyết định lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty trên cơ sở giả định hoạt động liên tục. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có phát sinh từ kết quả của sự kiện trên.

#### **Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 30 tháng 6 năm 2021.

### **3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ:

#### **Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

#### **Các khoản đầu tư tài chính**

##### ***Chứng khoán kinh doanh***

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Tổng Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Tổng Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo*

#### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

##### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ trên cơ sở dự thu.

##### *Các khoản cho vay*

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

##### *Đầu tư vào công ty con*

Công ty con là các công ty do Tổng Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

##### *Đầu tư vào công ty liên kết*

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Tổng Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết theo giá gốc. Tổng Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Tổng Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

##### *Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

##### *Nợ phải thu*

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.



### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

#### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

##### Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Tổng Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá xuất kho của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

##### Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc và thiết bị	5 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 7

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

##### Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Tổng Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Tổng Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Tổng Công ty về chi phí đi vay.

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Thuê tài sản (Tiếp theo)**

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Tổng Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể như sau:

Phương tiện vận tải	<u>Số năm</u> 6 - 10
---------------------	-------------------------

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Phần mềm máy tính là phần mềm phục vụ công tác quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty. Các phần mềm máy tính được khấu hao theo thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 3 năm theo phương pháp đường thẳng.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê văn phòng và các khoản chi phí trả trước khác.

Tiền thuê văn phòng thể hiện số tiền thuê văn phòng đã được trả trước. Tiền thuê thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính.

**Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

**Doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện thể hiện số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Tổng Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Tổng Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**Hợp đồng xây dựng**

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận như sau:

Trong trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Phần công việc đã hoàn thành được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

**Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

#### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

##### Chi phí đi vay

Toàn bộ chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

##### Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

#### 4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Tiền mặt	1.553.919.107	3.534.861.310
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	35.974.330.191	73.544.936.435
Các khoản tương đương tiền (i)	-	52.300.000.000
<b>Cộng</b>	<b>37.528.249.298</b>	<b>129.379.797.745</b>

##### Ghi chú:

- (i) Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng, bao gồm số tiền khoảng 52,3 tỷ VND gửi tại OceanBank đang tạm dừng giao dịch theo chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Trong kỳ, Tổng Công ty đã thu hồi các khoản tiền gửi có kỳ hạn này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo*

**5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>a. Chứng khoán kinh doanh</b>	<b>14.600.000.000</b>	<b>13.885.000.000</b>	<b>14.600.000.000</b>	<b>13.885.000.000</b>
Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	14.600.000.000	13.885.000.000	14.600.000.000	13.885.000.000
<b>b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính.

**6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
<i>Ngắn hạn</i>		
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2 - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	1.388.232.239.151	1.196.564.919.848
Viện Dầu khí Việt Nam	73.910.326.534	104.372.368.453
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	92.830.694.349	92.830.694.349
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	69.842.649.525	77.169.629.038
Các khoản phải thu khách hàng khác	219.639.625.038	146.019.250.092
<b>Cộng</b>	<b>1.844.455.534.597</b>	<b>1.616.956.861.780</b>
<b>Trong đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 34)</b>	<b>1.742.121.366.362</b>	<b>1.587.902.957.463</b>

**7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
<i>Ngắn hạn</i>		
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí IMICO	113.386.879.741	113.386.879.741
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	108.864.918.776	108.864.916.776
Các đối tượng khác	399.159.739.432	384.626.346.599
<b>Cộng</b>	<b>621.411.537.949</b>	<b>606.878.143.116</b>
<b>Trong đó: Trả trước cho người bán là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 34)</b>	<b>325.691.877.906</b>	<b>305.109.069.213</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo*

**8. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh	200.000.000.000	124.356.150.003	200.000.000.000	124.356.150.003
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (i)	140.610.703.253	140.610.703.253	142.303.647.827	142.303.647.827
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An (i)	21.252.459.622	9.791.327.013	22.623.638.889	11.162.506.280
Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	10.997.669.735	10.997.669.735	10.997.669.735	10.997.669.735
<b>Cộng</b>	<b>372.860.832.610</b>	<b>285.755.850.004</b>	<b>375.924.956.451</b>	<b>288.819.973.845</b>

**Trong đó: Phải thu về cho vay ngắn hạn các bên liên quan**  
 (Chi tiết tại Thuyết minh số 34)

**361.863.162.875**      **274.758.180.269**      **364.927.286.716**      **277.822.304.110**

Ghi chú:

(i) Số dư phải thu về cho vay các công ty này thể hiện: a) số tiền Tổng Công ty sử dụng tiền vay từ Hợp đồng tín dụng số 10/2010/HĐTD-OCEANBANK-PVC ngày 20 tháng 10 năm 2010 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương (nay là Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương - OceanBank) và Tổng Công ty để thanh toán hộ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn, Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí - IDICO và Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An về việc chuyển nhượng cổ phần; và b) số tiền Tổng Công ty sử dụng tiền vay từ Hợp đồng tín dụng số 603/2011/HĐTD-OCEANBANK-PVC ngày 30 tháng 6 năm 2011 ký với Oceanbank để cho Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh ("Khách sạn Lam Kinh") vay vốn, mục đích để hỗ trợ vốn sản xuất kinh doanh cho Khách sạn Lam Kinh.

Theo Công văn số 7697/2014/CV-OceanBank ngày 09 tháng 12 năm 2014 của OceanBank, thời điểm thanh toán các khoản vay nói trên sau khi được gia hạn là ngày 31 tháng 12 năm 2017. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Tổng Công ty đang làm việc với các bên liên quan để gia hạn thời gian thanh toán các khoản vay OceanBank. Tổng Công ty cũng đang tiếp tục làm việc với các công ty trên để thu hồi các khoản thanh toán hộ hoặc cho vay để có nguồn thanh toán các khoản vay OceanBank nêu trên, nhằm tăng cường khả năng thanh toán của Tổng Công ty cũng như để phù hợp với các quy định về quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng.

*(Handwritten signature and stamp)*

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo*

**9. PHẢI THU KHÁC**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>294.291.089.455</b>	<b>274.204.630.001</b>
- Phải thu về lãi cho vay, hỗ trợ vốn, lãi phạt chậm thanh toán, chậm trả	89.743.607.863	96.538.822.287
- Phải thu về việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh (i)	42.770.314.825	42.373.709.249
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	14.258.774.070	14.258.774.070
- Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	1.651.041.612	1.651.041.612
- Tạm ứng	8.736.760.241	8.888.883.296
- Phải thu ngắn hạn khác	137.130.590.844	110.493.399.487
<b>b) Dài hạn</b>	<b>10.102.824.398</b>	<b>10.102.824.398</b>
- Ký cược, ký quỹ dài hạn	10.102.824.398	10.102.824.398
<b>Cộng</b>	<b>304.393.913.853</b>	<b>284.307.454.399</b>
<b>Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 34)</b>	<b>173.382.950.011</b>	<b>143.962.042.183</b>

**Ghi chú:**

- (i) Phải thu về việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh thể hiện khoản tiền các ngân hàng đã khấu trừ từ tài khoản của Tổng Công ty để thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh cho các hợp đồng tín dụng mà Tổng Công ty đứng ra bảo lãnh (xem thêm tại Thuyết minh số 35).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo*

**10. NỢ XẤU**

Thông tin về một số khoản nợ xấu chủ yếu của Tổng Công ty tại ngày kết thúc kỳ hoạt động như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh	206.138.310.290	75.643.849.997	206.138.310.290	75.643.849.997
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	208.969.964.705	-	208.969.964.705	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	140.610.703.253	-	142.303.647.827	-
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	75.739.518.828	41.510.769	75.739.518.828	41.510.769
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	72.921.259.234	24.082.974.276	88.261.675.562	24.658.993.267
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung	58.705.694.299	-	58.705.694.299	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí IMICO	43.977.863.728	6.714.619.313	43.977.863.728	6.714.619.313
Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương	42.328.848.975	-	42.328.848.975	-
Công ty Cổ phần Vinaconex 39	35.925.998.583	1.057.959.818	35.925.998.583	1.157.116.118
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí PVC - Trường Sơn	30.495.449.099	100.965.000	30.495.449.099	100.965.000
Công ty Cổ phần Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam	23.575.990.000	-	23.575.990.000	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí 2	26.176.673.819	-	26.176.673.819	-
Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	18.265.262.039	-	18.265.262.039	-
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	9.478.456.144	-	9.478.456.144	-
Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô	6.907.785.000	-	6.907.785.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	2.765.783.163	-	2.765.783.163	-
Công ty Cổ phần Xây lắp điện Dầu khí	3.915.379.555	195.481.713	3.915.379.555	195.481.713
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc	4.817.458.278	-	4.817.458.278	-
<b>Cộng</b>	<b>1.011.716.398.992</b>	<b>107.837.360.887</b>	<b>1.028.749.759.894</b>	<b>108.512.536.178</b>

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty xác định giá trị có thể thu hồi được bằng giá gốc của các khoản phải thu trừ đi giá trị đã dự phòng của các khoản phải thu này.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo*

**11. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.825.344.133	-	1.825.344.133	-
Công cụ, dụng cụ	431.700.000	-	431.700.000	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (i)	1.304.310.924.752	-	1.669.058.554.078	-
Hàng hoá	34.300.986.728	(21.904.436.728)	34.300.986.728	(21.904.436.728)
<b>Cộng</b>	<b>1.340.868.955.613</b>	<b>(21.904.436.728)</b>	<b>1.705.616.584.939</b>	<b>(21.904.436.728)</b>

Ghi chú:

- (i) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang là chi phí các công trình đang trong quá trình xây dựng. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, chi tiết sản xuất dở dang theo các công trình như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2	1.022.956.776.050	1.387.853.025.209
Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 (*)	245.057.868.468	245.057.868.468
Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1	22.320.579.218	22.689.277.574
Các công trình khác	13.975.701.016	13.458.382.827
<b>Cộng</b>	<b>1.304.310.924.752</b>	<b>1.669.058.554.078</b>

- (\*) Như trình bày tại Thuyết minh số 36 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, do có thay đổi về thiết kế và đơn giá, Tổng Công ty đang đề nghị các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xem xét điều chỉnh giá trị phát sinh chưa lường hết của dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có liên quan đến vấn đề này.

**12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>249.290.403</b>	<b>219.639.521</b>
Chi phí công cụ, dụng cụ	9.290.403	42.067.677
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	240.000.000	177.571.844
<b>b) Dài hạn</b>	<b>10.687.358.558</b>	<b>10.775.326.821</b>
Chi phí trả trước thuê văn phòng (i)	10.039.961.005	10.692.472.345
Chi phí trả trước dài hạn khác	647.397.553	82.854.476

Ghi chú:

- (i) Phản ánh chi phí trả trước về thuê văn phòng chờ phân bổ theo các Hợp đồng thuê văn phòng tòa nhà San Nam số 001/2009/SN-PVC ngày 08 tháng 01 năm 2009 giữa Tổng Công ty và Công ty TNHH San Nam, Hợp đồng thuê văn phòng tòa nhà C.E.O số 2410/2020/CEO Tower/CEO-PVC ngày 17 tháng 01 năm 2020 giữa Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Tập đoàn C.E.O.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo*

**14. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Chương trình phần mềm	Tổng cộng
	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Số dư đầu kỳ	5.005.180.340	5.005.180.340
Số dư cuối kỳ	5.005.180.340	5.005.180.340
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ</b>		
Số dư đầu kỳ	4.805.260.340	4.805.260.340
Khấu hao trong kỳ	35.280.000	35.280.000
Số dư cuối kỳ	4.840.540.340	4.840.540.340
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Số dư đầu kỳ	199.920.000	199.920.000
Số dư cuối kỳ	164.640.000	164.640.000

Nguyên giá các tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 là 4.652.380.340 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 4.652.380.340 VND).

**15. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Giá trị thuần có thể thực hiện được	Giá gốc	Giá trị thuần có thể thực hiện được
	VND	VND	VND	VND
<b>a. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn</b>				
Dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch I (i)	25.781.820.546	12.890.910.273	25.781.820.546	12.890.910.273
Dự án Nhà máy Xơ sợi Polyester Đình Vũ	25.759.325.212	9.162.306.880	25.759.325.212	9.162.306.880
Nhà điều hành Trung tâm Nhiệt điện Long Phú	12.180.083.636	800.000.000	12.180.083.636	800.000.000
Các công trình khác	7.329.825.521	1.618.216.162	7.329.825.521	1.618.216.162
<b>Cộng</b>	<b>71.051.054.915</b>	<b>24.471.433.315</b>	<b>71.051.054.915</b>	<b>24.471.433.315</b>

**Ghi chú:**

- (i) Theo Công văn số 1828/TTg-KTN ngày 15 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh một số dự án nhà máy nhiệt điện trong các Trung tâm Điện lực Quảng Trạch và Quỳnh Lập, Tập đoàn Điện lực Việt Nam sẽ thay thế Tập đoàn Dầu khí Việt Nam làm chủ đầu tư Dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch 1. Đến ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Tổng Công ty vẫn đang trong quá trình làm việc với các bên liên quan để nghiệm thu, quyết toán các chi phí của Tổng Công ty tại dự án này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo*

**15. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN (TIẾP THEO)**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>b. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>		
- Mua sắm	10.135.424.390	10.135.424.390
- Xây dựng cơ bản	133.692.166.731	133.692.166.731
Trong đó:		
<i>Dự án Khu công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp -Tiền Giang (ii)</i>	<i>127.973.080.823</i>	<i>127.973.080.823</i>
<i>Dự án Khu đô thị Đại học Dầu khí (iii)</i>	<i>3.883.984.985</i>	<i>3.883.984.985</i>
<i>Dự án Khu công nghiệp Dầu khí Tiền Giang (iii)</i>	<i>1.835.100.923</i>	<i>1.835.100.923</i>
<b>Cộng</b>	<b><u>143.827.591.121</u></b>	<b><u>143.827.591.121</u></b>

- (ii) Thể hiện chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Dự án Khu công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp - Tiền Giang (“Dự án”) do Tổng Công ty tiếp nhận và làm chủ đầu tư từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) theo Quyết định số 7089/QĐ-DKVN ngày 12 tháng 8 năm 2010 của Hội đồng Thành viên PVN. Ngày 22 tháng 8 năm 2016, Bộ Tài chính có Văn bản số 11704/BTC-TCDN gửi UBND tỉnh Tiền Giang và PVN để hướng dẫn cụ thể về việc chuyển giao Dự án trên. Theo Biên bản số 1421/BB-SKH&ĐT ngày 31 tháng 7 năm 2017 của tổ tiếp nhận Dự án giữa UBND tỉnh Tiền Giang, PVN và Tổng Công ty, các bên thống nhất giá trị Dự án trong giai đoạn do Tổng Công ty thực hiện là khoảng 143 tỷ VND. Ngày 01 tháng 10 năm 2018, Tổng Công ty đã ký biên bản thanh lý hợp đồng thuê đất với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cũng như bàn giao toàn bộ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản gắn liền với đất trên lô đất của Dự án cho cơ quan này. Ngày 28 tháng 02 năm 2019, Văn phòng Chính phủ có Văn bản số 1630/VPCP-CN chỉ đạo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tư pháp, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Công thương và Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước hướng dẫn UBND tỉnh Tiền Giang và chủ đầu tư dự án, thanh toán chi phí đã đầu tư cho chủ đầu tư do việc thu hồi đất dự án, đảm bảo đúng quy định pháp luật, không để thất thoát tài sản Nhà nước và đảm bảo quyền lợi của chủ đầu tư.

Ngày 17 tháng 10 năm 2019, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã có Văn bản số 7643/BKHĐT-QLKKT báo cáo Thủ tướng Chính phủ về một số nội dung liên quan đến dự án Khu công nghiệp dịch vụ Dầu khí Soài Rạp, Tiền Giang.

Ngày 29 tháng 7 năm 2020, Văn phòng Chính phủ đã có Văn bản số 6161/VPCP-CN thông báo ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Trịnh Đình Dũng giao các Bộ phối hợp hướng dẫn hoàn trả kinh phí đã đầu tư vào dự án Khu công nghiệp dịch vụ Dầu khí Soài Rạp, Tiền Giang.

Ngày 8 tháng 02 năm 2021, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã có Văn bản số 743/BKHĐT-QLKKT gửi các Bộ xin ý kiến về dự thảo phương án giải quyết và hướng dẫn hoàn trả kinh phí đã đầu tư vào dự án Khu công nghiệp dịch vụ Dầu khí Soài Rạp, Tiền Giang.

Ngày 29 tháng 3 năm 2021, Tổng Công ty đã có Văn bản số 426/XLDK-KHĐT&TCC về việc xin tiếp tục giao làm Chủ đầu tư Dự án KCN dịch vụ Dầu khí Soài Rạp, tỉnh Tiền Giang. Theo đó, Tổng Công ty cam kết ngay khi được chấp thuận chủ trương tiếp tục được giao làm Chủ đầu tư Dự án, PVC sẽ huy động mọi nguồn lực, tiến hành tổ chức hoạt động đầu tư xây dựng dự án bảo đảm đúng các quy định của pháp luật.

Ngày 06 tháng 8 năm 2021, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tiếp tục gửi Văn bản số 5183/BKHĐT-QLKKT kiến nghị Thủ tướng Chính phủ giao Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang xử lý dứt điểm các vấn đề liên quan đến Dự án trong năm 2021 theo thẩm quyền và quy định của pháp luật.

Đến ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, quá trình chuyển giao dự án vẫn chưa hoàn thành. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng Tổng Công ty sẽ thu hồi được đầy đủ các khoản chi phí Tổng Công ty đã bỏ ra để thực hiện dự án hoặc sẽ được giao lại dự án để triển khai.

- (iii) Phản ánh các dự án đã tạm dừng thi công từ nhiều năm trước. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chưa đánh giá được khả năng mang lại lợi ích kinh tế trong tương lai của các dự án này.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM**Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng,  
Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam**MÃ SỐ B 09a-DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo***16. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON**

Thông tin chi tiết về các công ty con của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 như sau:

STT	Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Giá trị vốn góp (VND)		Tỷ lệ phần sở hữu trực tiếp %	Tỷ lệ quyền biểu quyết %	Hoạt động chính	Tình hình hoạt động	
			Số cuối kỳ	Số đầu kỳ				Kỳ này	Kỳ trước
1	Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí (i)	Thành phố Hà Nội	-	367.302.605.998	36%	36%	Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
2	Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình	Thái Bình	325.000.000.000	325.000.000.000	72%	72%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản và dịch vụ	Hoạt động kinh doanh lỗ	Hoạt động kinh doanh lỗ
3	Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	Bà Rịa - Vũng Tàu	286.227.385.833	286.227.385.833	51%	51%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
4	Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Bình Sơn	Quảng Ngãi	170.000.000.000	170.000.000.000	47%	53%	Kinh doanh bất động sản, vật liệu xây dựng	Hoạt động kinh doanh lỗ	Hoạt động kinh doanh lỗ
5	Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô (ii)	Hà Nội	195.150.582.565	195.150.582.565	35%	35%	Kinh doanh bất động sản	Hoạt động kinh doanh lỗ	Hoạt động kinh doanh lỗ
6	Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	Cà Mau	153.532.000.000	153.532.000.000	53%	53%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản và dịch vụ	Hoạt động kinh doanh lỗ	Hoạt động kinh doanh lỗ
7	Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	Bà Rịa - Vũng Tàu	153.000.000.000	153.000.000.000	51%	51%	Xây lắp, sản xuất công nghiệp, kinh doanh bất động sản	Hoạt động kinh doanh lỗ	Hoạt động kinh doanh lỗ
8	Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bê tông Dầu khí	Bà Rịa - Vũng Tàu	102.000.000.000	102.000.000.000	51%	51%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản	Hoạt động kinh doanh lỗ	Hoạt động kinh doanh lỗ
			<b>1.384.909.968.398</b>	<b>1.752.412.574.396</b>					

Ghi chú:

- (i) Trong kỳ, Tổng Công ty không còn quyền kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí ("PTL") thông qua quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của PTL. Theo đó, khoản đầu tư vào PTL được phân loại thành khoản đầu tư vào Công ty liên kết trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.
- (ii) Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty, mặc dù tỷ lệ quyền biểu quyết của Tổng Công ty nhỏ hơn 50% tại Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô nhưng Tổng Công ty vẫn có quyền kiểm soát công ty này thông qua quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động, cũng như giao và đánh giá việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm, hỗ trợ về công việc, các hợp đồng xây lắp, thị trường, tài chính. Theo đó, công ty nói trên được xác định là công ty con của Tổng Công ty.

Các giao dịch và số dư chủ yếu giữa Tổng Công ty và các công ty con được trình bày tại Thuyết minh số 34.



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP ĐÀU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng,  
Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam

**MÃ SỐ B 09a-DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo*

**17. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT**

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 như sau:

STT	Tên công ty liên kết	Giá trị vốn góp (VND)		Tỷ lệ phân sở hữu trực tiếp %	Tỷ lệ quyền biểu quyết %	Hoạt động chính	Tình hình hoạt động	
		Số cuối kỳ	Số đầu kỳ				Kỳ này	Kỳ trước
1	Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	367.502.605.998	-	36%	36%	Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh lỗ
2	Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	200.000.000.000	200.000.000.000	40%	40%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản		Hoạt động kinh doanh lỗ
3	Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	107.500.000.000	107.500.000.000	36%	36%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản		Hoạt động kinh doanh lỗ
4	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	83.271.467.055	83.271.467.055	25%	25%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản		Hoạt động kinh doanh lỗ
5	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải	58.050.000.000	58.050.000.000	42%	35%	Đầu tư phát triển khu công nghiệp, kinh doanh xăng dầu, vật liệu xây dựng		Hoạt động kinh doanh lỗ
6	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	75.600.000.000	75.600.000.000	36%	36%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản	Hoạt động kinh doanh lỗ	Hoạt động kinh doanh lỗ
7	Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung	72.400.000.000	72.400.000.000	48%	48%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản	Hoạt động kinh doanh lỗ	Hoạt động kinh doanh lỗ
8	Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh	57.000.000.000	57.000.000.000	30%	30%	Kinh doanh dịch vụ khách sạn		Hoạt động kinh doanh lỗ
9	Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	54.395.000.000	54.395.000.000	23%	23%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản		Hoạt động kinh doanh lỗ
10	Công ty Cổ phần Trang trí Nội thất Dầu khí	19.993.000.000	19.993.000.000	50%	50%	Thiết kế và thi công các công trình xây dựng		Hoạt động kinh doanh lỗ
11	Công ty Cổ phần Thiết kế Quốc tế Heerim-PVC	3.740.000.000	3.740.000.000	44%	44%	Thiết kế quy hoạch tổng mặt bằng, thiết kế kiến trúc công trình		Hoạt động kinh doanh lỗ
12	Công ty Cổ phần Thương mại và Truyền thông Liên minh Dầu khí (i)	3.500.000.000	3.500.000.000	97%	35%	Truyền thông và thương mại		Hoạt động kinh doanh lỗ
		<b>1.102.952.073.053</b>	<b>735.449.467.055</b>					

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo*

**17. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT (TIẾP THEO)**

Ghi chú:

- (i) Mặc dù tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần Thương mại và Truyền thông Liên minh Dầu khí (Petro-link) tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 là 97% nhưng tỷ lệ sở hữu này chỉ là tạm thời do các thành viên còn lại chưa góp đủ vốn. Tỷ lệ sở hữu (vốn góp) của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh là 35%, đồng thời, Tổng Công ty cũng không nắm quyền kiểm soát tại công ty này. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty xác định Petro-link là công ty liên kết và trình bày khoản đầu tư này là đầu tư vào công ty liên kết.

Các giao dịch và số dư chủ yếu giữa Tổng Công ty và các công ty liên kết được trình bày tại Thuyết minh số 34.

**18. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC**

STT	Tên các công ty nhận góp vốn	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
		Giá gốc	Tỷ lệ phần sở hữu %	Giá gốc	Tỷ lệ phần sở hữu %
1	Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	147.300.000.000	7,58%	147.300.000.000	7,58%
2	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc	23.500.000.000	16%	23.500.000.000	16%
3	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí IMICO	12.500.000.000	2,5%	12.500.000.000	2,5%
4	Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí PVC - Trường Sơn	3.000.000.000	4%	3.000.000.000	4%
5	Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí 2	2.795.000.000	5%	2.795.000.000	5%
6	Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Xây lắp Dầu khí 4	2.500.000.000	10%	2.500.000.000	10%
		<u>191.595.000.000</u>		<u>191.595.000.000</u>	

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng,  
Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam

**MÃ SỐ B 09a-DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo*

**19. DỰ PHÒNG ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

Thông tin chi tiết về các khoản dự phòng đầu tư tài chính dài hạn của Tổng Công ty như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Đầu tư vào công ty con</b>	<b>1.384.909.968.398</b>	<b>706.629.663.247</b>	<b>1.752.412.574.396</b>	<b>795.627.663.933</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	-	-	367.502.605.998	107.665.468.829
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình	325.000.000.000	173.275.320.259	325.000.000.000	162.105.265.570
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	286.227.385.833	111.187.453.401	286.227.385.833	112.393.037.996
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Bình Sơn (i)	170.000.000.000	33.372.593.164	170.000.000.000	33.129.998.753
Công ty Cổ phần Dầu khí Đồng Đô	195.150.582.565	118.299.972.083	195.150.582.565	116.889.568.318
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	153.532.000.000	153.532.000.000	153.532.000.000	153.532.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	153.000.000.000	44.607.127.227	153.000.000.000	40.264.395.012
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	102.000.000.000	72.355.197.113	102.000.000.000	69.647.929.455

4/2/2015 10:10:00 AM



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo*

**19. DỰ PHÒNG ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP THEO)**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>b) Đầu tư vào công ty liên kết</b>	<b>1.102.952.073.053</b>	<b>802.939.657.320</b>	<b>735.449.467.055</b>	<b>702.091.763.141</b>
Công ty Cổ phần Dầu tự Hạ tầng và Đô thị Dầu khí (i)	367.502.605.998	101.353.476.448	-	-
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	200.000.000.000	200.000.000.000	200.000.000.000	200.000.000.000
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	107.500.000.000	107.500.000.000	107.500.000.000	107.500.000.000
Công ty Cổ phần Dầu tự Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	83.271.467.055	83.271.467.055	83.271.467.055	83.271.467.055
Công ty Cổ phần Dầu tự Xây lắp Dầu khí Duyên Hải	58.050.000.000	25.886.476.313	58.050.000.000	26.265.576.843
Công ty Cổ phần Dầu tự Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa (i)	75.600.000.000	75.600.000.000	75.600.000.000	75.600.000.000
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung (i)	72.400.000.000	72.400.000.000	72.400.000.000	72.400.000.000
Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh	57.000.000.000	57.000.000.000	57.000.000.000	57.000.000.000
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An (i)	54.395.000.000	54.395.000.000	54.395.000.000	54.395.000.000
Công ty Cổ phần Trang trí Nội thất Dầu khí	19.993.000.000	19.993.000.000	19.993.000.000	19.993.000.000
Công ty Cổ phần Thiết kế Quốc tế Heerim-PVC	3.740.000.000	3.740.000.000	3.740.000.000	3.740.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại và Truyền thông Liên minh Dầu khí	3.500.000.000	1.800.237.504	3.500.000.000	1.926.719.243
<b>c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	<b>191.595.000.000</b>	<b>160.077.052.920</b>	<b>191.595.000.000</b>	<b>160.077.052.920</b>
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	147.300.000.000	147.300.000.000	147.300.000.000	147.300.000.000
Công ty Cổ phần Dầu tự và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc	23.500.000.000	11.288.806.120	23.500.000.000	11.288.806.120
Công ty Cổ phần Dầu tự Xây lắp Dầu khí IMICO	12.500.000.000	1.488.246.800	12.500.000.000	1.488.246.800
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí PVC - Trường Sơn	3.000.000.000	-	3.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí 2	2.795.000.000	-	2.795.000.000	-
Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Xây lắp Dầu khí 4	2.500.000.000	-	2.500.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>2.679.457.041.451</b>	<b>1.669.646.373.487</b>	<b>2.679.457.041.451</b>	<b>1.657.796.479.994</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo*

**19. DỰ PHÒNG ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP THEO)**

Ghi chú:

- (i) Tổng Công ty trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Bình Sơn, Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình, Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí, Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa, Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung và Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An với tổng số tiền khoảng 510 tỷ VND dựa trên thông tin báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 chưa được soát xét. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Tổng Công ty chưa thu thập được báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 của các công ty này. Do đó, Tổng Công ty chưa đánh giá được hết sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư trên. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ chưa bao gồm bất cứ điều chỉnh nào có thể có liên quan đến vấn đề này.

Đối với các khoản đầu tư vào các Công ty liên kết còn lại và các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (không bao gồm Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long) với tổng giá trị ghi sổ và tổng giá trị dự phòng của các khoản đầu tư lần lượt là khoảng 577 tỷ VND và 512 tỷ VND. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Tổng Công ty chưa thu thập được báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 của các công ty này. Do đó, Tổng Công ty chưa đánh giá được hết sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư trên. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ chưa bao gồm bất cứ điều chỉnh nào có thể có liên quan đến vấn đề này.

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính.

**20. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>		
Công ty Công nghiệp Daelim	1.014.267.875.207	1.054.255.257.836
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	473.056.233.552	484.890.856.579
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	177.049.565.265	177.049.565.265
Tập đoàn Sojitz	140.587.579.108	132.719.099.414
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy	25.427.763.932	27.042.356.726
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	109.262.778.853	107.165.897.573
Các đối tượng khác	784.981.869.415	775.646.221.447
<b>Cộng</b>	<u><u>2.724.633.665.332</u></u>	<u><u>2.758.769.254.840</u></u>
<b>Trong đó, Phải trả người bán là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 34)</b>	<b>558.125.338.854</b>	<b>574.548.447.338</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

**21. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
<i>Ngắn hạn</i>		
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	55.249.084.009	55.740.009.354
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch	82.778.475.899	82.778.475.899
Các đối tượng khác	34.162.629.455	1.752.284.896
<b>Cộng</b>	<b>172.190.189.363</b>	<b>140.270.770.149</b>
<b>Trong đó, Người mua trả tiền trước là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 34)</b>	<b>82.778.475.899</b>	<b>82.778.475.899</b>

**22. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số đầu kỳ	Số phải nộp/ phải thu trong kỳ	Số đã thực nộp/ đã thu trong kỳ	Số cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng	434.204.167	32.371.337.209	181.353.353	32.624.188.023
Thuế thu nhập cá nhân	1.182.992.925	150.989.541	3.204.695	1.330.777.771
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	170.757.278	170.757.278	-
Các loại thuế khác	-	14.497.599	14.497.599	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	11.965.111	205.829.715	13.965.111	203.829.715
<b>Cộng</b>	<b>1.629.162.203</b>	<b>32.913.411.342</b>	<b>383.778.036</b>	<b>34.158.795.509</b>
<b>b) Phải thu</b>				
Thuế giá trị gia tăng	26.600.011	2.149.627.207	-	2.176.227.218
Thuế xuất, nhập khẩu	19.254.703	-	-	19.254.703
Thuế thu nhập doanh nghiệp	21.256.556.285	-	-	21.256.556.285
Thuế thu nhập cá nhân	29.670.748	312.173.519	292.088.986	49.755.281
Các loại thuế khác	783.720	-	-	783.720
<b>Cộng</b>	<b>21.332.865.467</b>	<b>2.461.800.726</b>	<b>292.088.986</b>	<b>23.502.577.207</b>

**23. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
<i>a) Ngắn hạn</i>	<b>330.427.142.513</b>	<b>361.463.387.688</b>
Chi phí phải trả cho các công trình xây dựng	322.669.098.184	353.383.216.513
Chi phí phải trả khác	7.758.044.329	8.080.171.175
<i>b) Dài hạn</i>	<b>71.064.369.884</b>	<b>71.064.369.884</b>
Chi phí phải trả cho các công trình xây dựng	71.064.369.884	71.064.369.884

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo*

**24. PHẢI TRẢ KHÁC**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>377.057.473.738</b>	<b>367.176.404.628</b>
Bảo hiểm xã hội, BHYT, BHTN, KPCĐ	5.335.632.767	1.246.194.469
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3.000.000	3.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	371.718.840.971	365.927.210.159
- Dự phòng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh (i)	137.942.779.492	137.942.779.492
- Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương (OceanBank) (ii)	136.799.164.013	133.507.481.108
- Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (iii)	54.038.464.510	54.038.464.510
- Các đối tượng khác	42.938.432.956	40.438.485.049
<b>b) Dài hạn</b>	<b>29.520.935</b>	<b>29.520.935</b>
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	29.520.935	29.520.935
<b>Cộng</b>	<b>377.086.994.673</b>	<b>367.205.925.563</b>

Ghi chú:

- (i) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, số dư dự phòng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh như trình bày tại Thuyết minh số 35.
- (ii) Khoản phải trả Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương thể hiện số lãi vay phải trả tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, bao gồm chi phí lãi vay của Tổng Công ty và chi phí lãi vay mà Tổng Công ty sẽ thu lại từ các công ty mà Tổng Công ty đã thanh toán hộ hoặc cho vay theo các hợp đồng hỗ trợ vốn (trình bày tại Thuyết minh số 8) để thanh toán cho OceanBank. Theo Nghị quyết số 7548/NQ-DKVN ngày 29 tháng 10 năm 2014 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và theo Công văn số 7697/2014/CV-OceanBank ngày 09 tháng 12 năm 2014 của OceanBank, thời điểm thanh toán các khoản này đã được gia hạn đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 và lãi suất khoản vay giảm xuống còn 1%/năm từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 như trình bày tại Thuyết minh số 25. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2018, khoản vay chịu lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Tổng Công ty đang tìm kiếm các giải pháp để thanh toán cho khoản phải trả lãi vay đã quá hạn.
- (iii) Khoản phải trả Tập đoàn Dầu khí Việt Nam chủ yếu bao gồm khoảng 42,2 tỷ VND là số tiền Tập đoàn Dầu khí Việt Nam hỗ trợ Tổng Công ty để thanh toán cho các nhà thầu của Dự án Khu Công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp - Tiền Giang.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo*

**25. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	Số cuối kỳ		Trong kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	704.303.132.891	704.303.132.891	53.452.754.738	220.218.233.872	871.068.612.025	871.068.612.025
<i>a) Vay ngắn hạn</i>	<i>99.718.026.380</i>	<i>99.718.026.380</i>	<i>53.452.754.738</i>	<i>134.418.754.664</i>	<i>180.684.026.306</i>	<i>180.684.026.306</i>
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây	95.718.026.380	95.718.026.380	49.452.754.738	134.418.754.664	180.684.026.306	180.684.026.306
- Ông Lương Thế Hùng	4.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000	-	-	-
<i>b) Vay dài hạn đến hạn trả (ii)</i>	<i>604.585.106.511</i>	<i>604.585.106.511</i>	-	<i>85.799.479.208</i>	<i>690.384.585.719</i>	<i>690.384.585.719</i>
- Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương	604.585.106.511	604.585.106.511	-	85.799.479.208	690.384.585.719	690.384.585.719
<b>Cộng</b>	<b>704.303.132.891</b>	<b>704.303.132.891</b>	<b>53.452.754.738</b>	<b>220.218.233.872</b>	<b>871.068.612.025</b>	<b>871.068.612.025</b>

**Ghi chú:**

- (i) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2020/2084729/HĐTD ngày 30 tháng 6 năm 2020 với hạn mức 900 tỷ VND và thời hạn cấp tín dụng đến ngày 30 tháng 6 năm 2021 nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động cho Tổng Công ty. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo. Các khoản vay được giải ngân theo các khế ước nhận nợ, có thời hạn vay mỗi lần nhận nợ không quá 8 tháng (đối với các khoản vay phát sinh trước ngày 01/01/2021) và 11 tháng (đối với các khoản vay phát sinh trong kỳ), lãi suất vay được xác định tại thời điểm nhận nợ vay. Lãi suất áp dụng cho các khoản vay phát sinh trước ngày 01 tháng 01 năm 2021 là 8,4%/năm, lãi suất áp dụng cho các khoản vay phát sinh trong kỳ là 7,5%/năm.
- (ii) Vay dài hạn đến hạn trả phản ánh khoản vay Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương (OceanBank) theo các Hợp đồng tín dụng số 10/2010/HĐTD-OCEANBANK-PVC ngày 20 tháng 10 năm 2010, số 602/2011/HĐTD-OCEANBANK-PVC ngày 30 tháng 6 năm 2011 và số 603/2011/HĐTD-OCEANBANK-PVC ngày 30 tháng 6 năm 2011 giữa OceanBank và Tổng Công ty từ nguồn vốn ủy thác của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại OceanBank. Theo Nghị quyết số 7548/NQ-DKVN ngày 29 tháng 10 năm 2014 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và theo Công văn số 7697/2014/CV-OceanBank ngày 09 tháng 12 năm 2014 của OceanBank, thời hạn thanh toán của các hợp đồng tín dụng nói trên được gia hạn đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 và lãi suất áp dụng cho các khoản vay là 2,4%/năm kể từ thời điểm không trả được lãi đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 và lãi suất 1%/năm từ ngày 01 tháng 01 năm 2015. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2018, khoản vay chịu lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, khoản vay đã quá hạn thanh toán, Tổng Công ty vẫn đang tìm các giải pháp để thanh toán cho khoản gốc vay quá hạn nêu trên.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng,  
Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam

**MÃ SỐ B 09a-DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo*

**26. VỐN CHỦ SỞ HỮU****a) Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lỗ lũy kế	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ trước	4.000.000.000.000	(29.710.000)	76.986.992.734	500.000.000	(3.559.903.183.485)	517.554.099.249
Lỗ trong kỳ	-	-	-	-	(48.179.468.052)	(48.179.468.052)
Số dư cuối kỳ trước	4.000.000.000.000	(29.710.000)	76.986.992.734	500.000.000	(3.608.082.651.537)	469.374.631.197
Số dư đầu kỳ này	4.000.000.000.000	(29.710.000)	76.986.992.734	500.000.000	(3.712.182.490.608)	365.274.792.126
Lỗ trong kỳ	-	-	-	-	(36.108.590.797)	(36.108.590.797)
Số dư cuối kỳ này	4.000.000.000.000	(29.710.000)	76.986.992.734	500.000.000	(3.748.291.081.405)	329.166.201.329

**b) Vốn điều lệ**

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 19 ngày 06 tháng 11 năm 2020, vốn điều lệ của Tổng Công ty là 4.000.000.000.000 VND. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận		Vốn đã góp	
	Đăng ký kinh doanh VND	%	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	2.178.733.330.000	54,47%	2.178.733.330.000	2.178.733.330.000
Các đối tượng khác	1.821.266.670.000	45,53%	1.821.266.670.000	1.821.266.670.000
<b>Cộng</b>	<b>4.000.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>4.000.000.000.000</b>	<b>4.000.000.000.000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo*

**26. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)**

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	4.000.000.000.000	4.000.000.000.000
- Vốn góp đầu kỳ	4.000.000.000.000	4.000.000.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	4.000.000.000.000	4.000.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d) Tình hình phát hành cổ phiếu của Công ty	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	400.000.000	400.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	400.000.000	400.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	2.971	2.971
- Cổ phiếu phổ thông	2.971	2.971
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	399.997.029	399.997.029
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

**27. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Ngoại tệ các loại		
Đô la Mỹ (USD)	13.186	844.888
Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	9.716.217.233	9.716.217.233

**28. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>412.963.119.389</b>	<b>159.567.945.306</b>
<u>Trong đó:</u>		
- Doanh thu hoạt động xây lắp	409.095.668.934	154.461.372.573
- Doanh thu bán hàng	2.671.753.466	1.839.375.275
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.195.696.989	3.267.197.458
	<b>412.963.119.389</b>	<b>159.567.945.306</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>412.963.119.389</b>	<b>159.567.945.306</b>
<b>Trong đó: Doanh thu với các bên liên quan</b>	<b>393.437.128.909</b>	<b>100.194.286.836</b>
<b>(Chi tiết tại Thuyết minh số 34)</b>		

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo*

**29. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Giá vốn của hoạt động xây lắp	413.729.357.172	152.321.878.319
Giá vốn của hàng bán	2.670.235.974	2.543.330.539
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.195.696.989	2.519.380.024
<b>Cộng</b>	<b>417.595.290.135</b>	<b>157.384.588.882</b>

**30. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	26.826.200	1.725.453.288
Lãi bán các khoản đầu tư	-	262.786.500
Lãi chênh lệch tỷ giá	89.112.117	713.022.733
<b>Cộng</b>	<b>115.938.317</b>	<b>2.701.262.521</b>

**31. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Lãi tiền vay	9.076.260.007	10.062.931.276
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính (i)	-	186.928.300.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá	65.898.471	828.048.344
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	11.849.893.493	(173.015.276.999)
Chi phí tài chính khác	3.093.958.348	4.781.351.894
<b>Cộng</b>	<b>24.086.010.319</b>	<b>29.585.354.515</b>

Ghi chú:

- (i) Khoản lỗ từ việc thanh lý khoản đầu tư vào Công ty con - Công ty Cổ phần Bất động sản Xây lắp Dầu khí Việt Nam trong kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

**32. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Chi phí nhân viên	16.468.294.167	19.728.637.422
Chi phí đồ dùng văn phòng	152.859.972	232.940.183
Chi phí khấu hao TSCĐ	701.221.226	745.211.564
Thuế, phí và lệ phí	313.686.477	702.287.409
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.272.472.969	5.177.238.132
Chi phí bằng tiền khác	3.138.786.997	3.042.724.552
(Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	(16.838.756.611)	(398.678.932)
<b>Cộng</b>	<b>8.208.565.197</b>	<b>29.230.360.330</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo*

**33. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.388.757.947	1.631.571.269
Chi phí nhân công	27.701.213.171	33.713.048.278
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.060.951.496	2.616.429.546
Chi phí dịch vụ mua ngoài	40.298.310.144	204.956.237.003
(Hoàn nhập) dự phòng tổn thất tài sản	(16.838.756.611)	(398.678.932)
Chi phí khác bằng tiền	3.445.749.859	3.270.973.770
<b>Cộng</b>	<b><u>61.056.226.006</u></b>	<b><u>245.789.580.934</u></b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo*

**34. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

*Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong kỳ:*

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN)	Công ty mẹ
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch	Đơn vị phụ thuộc của PVN
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2	Đơn vị phụ thuộc của PVN
Ban Quản lý Dự án Công trình Liên hợp Lọc hoá dầu Nghi Sơn	Đơn vị phụ thuộc của PVN
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Sông Hậu 1	Đơn vị phụ thuộc của PVN
Viện Dầu khí Việt Nam	Đơn vị phụ thuộc của PVN
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	Cùng chủ sở hữu
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	Cùng chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Dầu khí	Cùng chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	Công ty con
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	Công ty con
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	Công ty con
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình	Công ty con
Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	Công ty con
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Bình Sơn	Công ty con
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hoá	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thiết kế Quốc tế Heerim-PVC	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Trang trí Nội thất Dầu khí	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thương mại và Truyền thông Liên minh Dầu khí	Công ty liên kết

*Trong kỳ, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:*

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	VND	VND
<b>Bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>393.437.128.909</b>	<b>100.194.286.836</b>
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2	417.825.835.341	99.212.651.493
Viện Dầu khí Việt Nam	(27.692.765.381)	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	326.255.668	-
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	326.255.672	-
Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô	332.891.386	40.852.320
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	677.827.382	38.213.692
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	255.867.893	205.830.829
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	-	835.353.750
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hoá	246.714.756	78.725.085
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	228.973.627	255.110.328
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình	909.190.747	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Bình Sơn	81.818	(472.450.661)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo*

**34. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)**

*Trong kỳ, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan (Tiếp theo):*

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	VND	VND
<b>Mua hàng hóa và dịch vụ</b>	<b>(5.706.899.424)</b>	<b>17.817.070.072</b>
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	6.368.499.922	(1.045.493.608)
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	(20.814.174.967)	(75.636)
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	5.250.409.252	731.500
Công ty Cổ phần Dầu khí Đồng Đô	3.404.868.806	4.020.609.115
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Bình Sơn	83.497.563	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	-	132.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải	-	12.374.719.091
Công ty Cổ phần Thương mại và Truyền thông Liên minh Dầu khí	-	28.139.180
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	-	2.438.308.430
<b>Tiền lương, thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát</b>	<b>1.174.785.756</b>	<b>2.325.084.499</b>
<b>Hội đồng Quản trị</b>	<b>354.578.762</b>	<b>907.098.027</b>
Ông Nguyễn Đình Thế	25.968.767	262.339.273
Ông Lương Đình Thành	143.520.782	207.316.109
Ông Nghiêm Quang Huy	120.016.486	224.762.645
Ông Nguyễn Quốc Tuấn	-	106.340.000
Ông Phạm Cương	-	106.340.000
Ông Phạm Văn Khánh	65.072.727	-
<b>Ban Tổng Giám đốc</b>	<b>595.636.881</b>	<b>863.359.917</b>
Ông Nguyễn Văn Đồng	130.210.065	246.924.710
Ông Nguyễn Đức Đạt	-	176.092.135
Ông Vũ Chí Cường	114.968.524	158.594.206
Ông Nguyễn Trung Trí	138.280.184	281.748.866
Ông Chu Thanh Hải	117.776.316	-
Ông Bùi Sơn Trường	94.401.792	-
<b>Ban Kiểm soát</b>	<b>224.570.113</b>	<b>554.626.555</b>
Ông Vũ Trọng Quốc Thịnh	123.377.740	221.262.072
Bà Trần Thị Trang	-	149.810.001
Ông Hứa Xuân Nam	101.192.373	183.554.482

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo*

**34. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)**

*Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:*

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
<b>Các khoản phải thu khách hàng</b>	<b>1.742.121.366.362</b>	<b>1.587.902.957.463</b>
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2	1.388.232.239.151	1.196.564.919.848
Viện Dầu khí Việt Nam	73.910.326.534	104.372.368.453
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	92.830.694.349	92.830.694.349
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	69.842.649.525	77.169.629.038
Ban Quản lý Dự án Công trình Liên hợp Lọc hoá Dầu Nghi Sơn	50.006.385.426	50.006.385.426
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	23.093.291.361	23.093.291.361
Công ty Cổ phần Sản xuất Ống thép Dầu khí	15.500.000.000	15.500.000.000
Tổng Công ty Khí Việt Nam	9.446.793.928	9.446.793.927
Công ty Cổ phần Thiết kế Quốc tế Heerim-PVC	6.097.621.800	6.097.621.800
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	5.546.942.139	5.546.942.139
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	2.765.783.163	2.765.783.163
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	1.503.716.599	1.627.185.210
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	296.057.923	150.700.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	1.164.741.750	1.164.741.750
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	700.000.000	700.000.000
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	278.440.484	278.440.484
Công ty Cổ phần Bất động sản Xây lắp Dầu khí Việt Nam	366.052.500	366.052.500
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - CTCPC	-	8.964.327
Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô	520.509.275	193.323.233
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung	16.811.955	16.811.955
Công ty Cổ phần Trang trí Nội thất Dầu khí	2.308.500	2.308.500
<b>Phải thu khác</b>	<b>173.382.950.011</b>	<b>143.962.042.183</b>
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung	31.961.175.904	31.961.175.904
Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh	36.942.355.433	35.289.515.387
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	27.387.966.723	26.177.267.615
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	20.507.270.308	20.507.270.308
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	731.314.239	731.314.239
Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô	9.375.455.925	9.375.455.925
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	6.840.056.555	6.840.056.555
Công ty Cổ phần Thiết kế Quốc tế Heerim-PVC	5.360.238.712	5.360.238.712
Công ty cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	1.350.473.068	2.075.889.084
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	2.068.154.052	2.068.154.052
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	1.669.212.234	1.669.212.234
Công ty Cổ phần Trang trí Nội thất Dầu khí	600.000.000	600.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình	500.000.000	500.000.000
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Bình Sơn	344.909.696	344.909.696
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2	265.370.827	265.370.827
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	27.387.601.891	104.817.201
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	90.714.104	90.714.104
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch	680.340	680.340

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo*

**34. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)**

*Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau (Tiếp theo):*

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	VND	VND
<b>Trả trước cho người bán</b>	<b>325.691.877.906</b>	<b>305.109.069.213</b>
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	108.864.918.776	108.864.916.776
Công ty TNHH MTV Đầu tư phát triển công nghiệp tàu thủy phía Nam	42.215.869.300	42.215.869.300
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	54.324.395.257	43.006.213.439
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	24.055.310.035	17.338.948.678
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung	28.268.366.989	50.693.297.207
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	11.263.563.283	11.263.563.283
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	53.716.437.125	28.662.958.462
Công ty Cổ phần Trang trí Nội thất Dầu khí	2.700.000.000	2.700.000.000
Công ty Cổ phần Thiết kế Quốc tế Heerim-PVC	229.674.800	229.674.800
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình	53.342.341	53.342.341
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí	-	80.284.927
<b>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>	<b>82.778.475.899</b>	<b>82.778.475.899</b>
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch	82.778.475.899	82.778.475.899
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>558.125.338.854</b>	<b>574.548.447.338</b>
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	177.049.565.265	177.049.565.265
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	109.262.778.853	107.165.897.573
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	54.755.090.473	52.276.952.713
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	58.374.311.377	62.942.338.058
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	34.914.818.137	38.928.091.686
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	25.427.763.932	27.042.356.726
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Bình Sơn	33.175.372.481	34.055.423.434
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại dầu khí Thái Bình	18.098.943.564	20.861.872.510
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	16.526.121.213	16.926.121.213
Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô	10.343.865.111	11.337.503.908
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	1.677.346.521	1.677.346.521
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung	3.947.951.289	3.947.951.289
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải	14.362.864.330	19.928.480.134
Công ty Cổ phần Trang trí Nội thất Dầu khí	187.307.819	187.307.819
Công ty Cổ phần Thương mại và Truyền thông Liên minh Dầu khí	21.238.489	221.238.489
<b>Các khoản cho vay ngắn hạn</b>	<b>361.863.162.875</b>	<b>364.927.286.716</b>
Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh	200.000.000.000	200.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	140.610.703.253	142.303.647.827
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	21.252.459.622	22.623.638.889

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng,  
Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam

MÃ SỐ B 09a-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo*

**35. CÔNG NỢ VÀ TÀI SẢN TIỀM TÀNG****a) Bảo lãnh cho các khoản vay**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Tổng Công ty có các khoản bảo lãnh cho các công ty khác vay vốn tại các tổ chức tín dụng đã bị quá hạn, cụ thể như sau:

Đơn vị được bảo lãnh	Tổ chức nhận bảo lãnh	Thời hạn bảo lãnh	Dự nợ bảo lãnh		Dự nợ vay quá hạn		Dự phòng nghĩa vụ	
			VND	cuối kỳ	VND	cuối kỳ	VND	nợ phải trả cuối kỳ
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Hội sở chính	Từ ngày 31/12/2011 đến ngày 30/4/2012	73.668.464.073		73.668.464.073		73.668.464.073	
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Đồng Đô	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012	49.961.348.093		49.961.348.093		49.961.348.093	
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Trụ sở chính	Từ ngày 26/7/2011 đến ngày 26/7/2012	14.312.967.325		14.312.967.325		14.312.967.325	
Công ty Cổ phần Dầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (*)	Ngân hàng TNHH MTV Đại dương - Chi nhánh Sài Gòn	Từ ngày 31/12/2011 đến ngày 30/8/2012	17.103.570.845		17.103.570.845		-	
<b>Tổng</b>			<b>155.046.350.336</b>		<b>155.046.350.336</b>		<b>137.942.779.491</b>	

Tổng Công ty, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết chịu trách nhiệm thanh toán cho các tổ chức tín dụng một khoản tiền bằng giá trị thu bảo lãnh cộng với toàn bộ các nghĩa vụ trả lãi, lãi phạt và các nghĩa vụ tài chính khác phát sinh (nếu có) ngay sau khi nhận được văn bản yêu cầu đầu tiên kèm hồ sơ chứng minh Bên được bảo lãnh đã không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ (nếu có) cho các tổ chức tín dụng. Lũy kế đến ngày 30 tháng 6 năm 2021, (i) các tổ chức tín dụng đã thực hiện khấu trừ tiền từ tài khoản tiền gửi của Tổng Công ty để thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh với giá trị là khoảng 91 tỷ VND, (ii) các đơn vị được bảo lãnh đã hoàn trả cho Tổng Công ty khoảng 49 tỷ VND trong tổng số tiền bị khấu trừ nêu trên. Theo đó, số dư phải thu về việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 là khoảng 42 tỷ VND (trình bày tại Thuyết minh số 9).

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo*

### 35. CÔNG NỢ VÀ TÀI SẢN TIỀM TÀNG (TIẾP THEO)

#### a) Bảo lãnh cho các khoản vay (Tiếp theo)

Theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước nêu tại Báo cáo kiểm toán năm 2014 ký ngày 10 tháng 3 năm 2016, Tổng Công ty đã trích lập dự phòng toàn bộ nghĩa vụ nợ phải trả liên quan đến các khoản bảo lãnh trên báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các công ty được bảo lãnh đang tiếp tục làm việc với các tổ chức tín dụng về việc gia hạn thời gian trả nợ. Tổng Công ty cũng đang tiếp tục làm việc với các công ty được bảo lãnh và các tổ chức tín dụng để giải tỏa nghĩa vụ bảo lãnh nhằm tăng khả năng thanh toán của Tổng Công ty cũng như để phù hợp với các quy định về quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng.

(\*) Trong năm 2016, Tổng Công ty đã rà soát các thư bảo lãnh và đánh giá nghĩa vụ bảo lãnh của Tổng Công ty tại thư bảo lãnh cho Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (PVC-SG) vay vốn tại Ngân hàng TMCP Đại Dương - Chi nhánh Sài Gòn (nay là Ngân hàng TNHH MTV Đại Dương (OceanBank) - Chi nhánh Sài Gòn) có sự thay đổi. Hội đồng thẩm định các khoản trích lập dự phòng của Tổng Công ty đã đánh giá và thống nhất việc hoàn nhập dự phòng cho nghĩa vụ nợ phải trả liên quan đến thư bảo lãnh khoản vay của PVC-SG tại OceanBank - Chi nhánh Sài Gòn với số tiền khoảng 99,9 tỷ VND và ghi giảm chi phí tài chính năm 2016.

Ngày 18 tháng 8 năm 2016, PVC-SG gửi Công văn số 58/XLDKSG gửi Tổng Công ty báo cáo một số nội dung liên quan đến tài sản đảm bảo cho khoản vay ủy thác và tình hình làm việc với Oceanbank. Theo đó, ngày 10 tháng 8 năm 2016, Oceanbank - Chi nhánh Sài Gòn đã gửi cho PVC-SG công văn số 784/2016/CV-CNSG trả lời phương án xử lý nợ của PVC-SG. Tại công văn này, Oceanbank - Chi nhánh Sài Gòn đã chấp thuận cho PVC-SG thực hiện phương án đầu tư kinh doanh Dự án Khu dân cư phát triển đô thị khu vực 2 và 3, phường 5, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang (Dự án Vị Thanh) cũng như giải chấp từng phần tài sản đảm bảo để PVC-SG bán hàng/bán tài sản để tạo nguồn trả nợ cho Oceanbank và PVC-SG trả toàn bộ dư nợ gốc (khoảng 148 tỷ VND). Đến ngày 31 tháng 12 năm 2020, PVC-SG đã trả được 131 tỷ VND/148 tỷ VND nợ gốc; đồng thời PVC-SG thực hiện khá tốt phương án trả nợ mà Oceanbank - Chi nhánh Sài Gòn đưa ra.

#### b) Bảo lãnh thanh toán

Ngày 29 tháng 12 năm 2010, Tổng Công ty đã ký Hợp đồng bảo lãnh số 0112/2010/HĐBL.TT-PVCTB với Công ty TNHH Du lịch Dầu khí Thái Bình (nay là Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình (PVC-Thái Bình - Công ty con của Tổng Công ty)) và phát hành thư bảo lãnh thanh toán cho PVC-Thái Bình với giá trị bảo lãnh khoảng 111,8 tỷ VND. Theo đó, Tổng Công ty cam kết và bảo đảm với Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (PVEP) về việc PVC-Thái Bình sẽ thực hiện thanh toán đầy đủ và đúng hạn các nghĩa vụ thanh toán với PVEP theo quy định của Hợp đồng chuyển nhượng Dự án Đầu tư Xây dựng Khách sạn Dầu khí Thái Bình ngày 28 tháng 12 năm 2010 giữa PVEP và PVC-Thái Bình. Thư bảo lãnh thanh toán có hiệu lực kể từ ngày ký tới ngày PVC-Thái Bình hoàn thành nghĩa vụ đối với PVEP theo quy định của Hợp đồng chuyển nhượng nêu trên. Trong năm 2016, Tổng Công ty đã nhận được văn bản từ PVEP yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá rằng nghĩa vụ phải trả của Công ty mẹ - Tổng Công ty đối với khoản bảo lãnh sẽ không phát sinh do PVC-Thái Bình có đủ khả năng thanh toán cho PVEP.

#### c) Kết luận của Thanh tra Chính phủ

Tổng Công ty là nhà thầu thi công dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất Ethanol nhiên liệu sinh học khu vực phía Bắc và dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất xơ sợi Polyester Đình Vũ.

Ngày 24 tháng 11 năm 2016, Thanh tra Chính phủ ban hành Thông báo số 3129/TB-TTCTP về kết luận thanh tra việc đầu tư các dự án Nhiên liệu sinh học có vốn góp của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và các đơn vị. Theo đó, Thanh tra Chính phủ kiến nghị Tổng Công ty phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại kinh tế gây ra đối với chủ đầu tư do vi phạm Hợp đồng EPC xây dựng Nhà máy sản xuất Ethanol nhiên liệu sinh học khu vực phía Bắc.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo*

### 35. CÔNG NỢ VÀ TÀI SẢN TIỀM TÀNG (TIẾP THEO)

#### c) Kết luận của Thanh tra Chính phủ (Tiếp theo)

Ngày 24 tháng 11 năm 2016, Thanh tra Chính phủ cũng ban hành Thông báo số 3130/TB-TTTP về kết luận thanh tra việc đầu tư xây dựng dự án Nhà máy sản xuất xơ sợi Polyester Đình Vũ. Theo đó, Thanh tra Chính phủ kiến nghị: (i) giảm giá trị nghiệm thu, thanh toán khoảng 46,8 tỷ VND đối với phần công việc do Tổng Công ty thực hiện do việc ký kết hợp đồng đã vi phạm quy định Pháp lệnh ngoại hối; (ii) giảm giá trị nghiệm thu thanh toán khoảng 8,1 tỷ VND và 23 nghìn USD của hợp đồng EPC đối với phần công việc Tổng Công ty thực hiện do nghiệm thu trùng lặp và nghiệm thu khối lượng phát sinh không đúng quy định.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá rằng các Thông báo của Thanh tra Chính phủ nêu trên được dành cho các chủ đầu tư của các dự án mà Tổng Công ty là bên có liên quan theo quan hệ hợp đồng kinh tế. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Tổng Công ty đang trong quá trình làm việc với chủ đầu tư và kiến nghị với Thanh tra Chính phủ về các nội dung có liên quan đến Tổng Công ty trong các Thông báo nêu trên.

#### d) Công nợ tiềm tàng khác

Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Tổng Công ty và các công ty con đang có một số vụ kiện có liên quan đến các khoản phải thu, phải trả và công nợ tiềm tàng về thuế giá trị gia tăng, lãi phạt chậm nộp tương ứng với doanh thu đã ghi nhận nhưng chưa xuất hóa đơn. Kết quả của các vụ kiện và các công nợ tiềm tàng khác này là chưa xác định được.

### 36. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

#### a) Giá trị phát sinh chưa lường hết tại các công trình do Tổng Công ty thi công

Do ảnh hưởng của những biến động trong nền kinh tế, ngành nghề hoạt động của Tổng Công ty chứa đựng các rủi ro về sự biến động giá thị trường của các loại nguyên vật liệu dùng cho thi công. Những thay đổi lớn về giá nguyên vật liệu thi công có thể ảnh hưởng lớn đến những lợi ích và nghĩa vụ kinh tế của Tổng Công ty. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng sự thay đổi của thị trường cũng như ảnh hưởng của các chính sách quản lý vĩ mô của Chính phủ là rất khó dự đoán. Vì vậy, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty không thể lường hóa được ảnh hưởng của vấn đề này đối với các công trình đang thi công của Tổng Công ty. Kết quả cuối cùng sẽ chỉ được xác định khi hoàn thành thi công, và nghiệm thu bàn giao cho các chủ đầu tư.

#### Công trình Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2

Tổng Công ty đã ký hợp đồng EPC xây dựng Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 với Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2 (trực thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam) với giá trị là khoảng 918 triệu USD và 5.874 tỷ VND. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, tổng giá trị hợp đồng tạm tính Tổng Công ty đã ký với các nhà thầu phụ cho công trình Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 đã vượt quá giá trị hợp đồng EPC ký với Ban quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2. Theo Công văn số 737/TTg-KTN ngày 23 tháng 5 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ, công trình Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 được bổ sung vào danh mục các dự án điện cấp bách giai đoạn 2013 - 2020;

Dự án được áp dụng cơ chế, chính sách đặc thù ban hành tại Quyết định số 2414/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ.

Đến ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Tổng Công ty và Ban quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2 đã đàm phán, thống nhất và ký các phụ lục điều chỉnh giá trị hợp đồng EPC tạm xác định là khoảng 949,6 triệu USD và 10.741 tỷ VND. Đồng thời, Tổng Công ty cũng đang trong quá trình làm việc với các nhà thầu phụ để ký lại phụ lục điều chỉnh giá trị hợp đồng với các nhà thầu phụ. Theo Quyết định của Tổng Giám đốc Tổng Công ty về việc phê duyệt Dự toán Hợp đồng EPC xây dựng Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, giá vốn ước tính để thực hiện dự án của Tổng Công ty là khoảng 952,7 triệu USD và 11.072 tỷ VND; tỷ lệ lỗ gộp dự kiến của toàn dự án là khoảng 1,28%. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá đây là ước tính tốt nhất tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này và số liệu dự toán này luôn được soát xét và cập nhật để phản ánh đúng diễn biến lãi/lỗ thực tế của dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2. Theo đó, Tổng Công ty đã ghi nhận doanh thu và giá vốn của công trình này theo tỷ lệ lỗ gộp dự kiến trên.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo*

**36. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**

**a) Giá trị phát sinh chưa lường hết tại các công trình do Tổng Công ty thi công (Tiếp theo)**

Công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1

Ngày 28 tháng 9 năm 2009, Tổng Công ty đã ký hợp đồng xây dựng công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 với Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam (LILAMA) theo Hợp đồng số 280909/LILAMA-PVC với tổng giá trị trọn gói là khoảng 1.322 tỷ VND. Theo Nghị quyết số 686/NQ-DKVN ngày 27 tháng 01 năm 2014, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) đã chấp thuận chi phí phát sinh chưa lường hết của toàn bộ công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 (bao gồm hạng mục đường nội bộ và phần xây dựng) là khoảng 1.090 tỷ VND. Giá trị dự toán sau thẩm tra/thẩm định đối với các hạng mục xây dựng do Tổng Công ty thực hiện tăng khoảng 290 tỷ VND (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng được khấu trừ) so với giá trị hợp đồng xây lắp trọn gói Tổng Công ty đã ký. Tổng Công ty đã đề nghị PVN xem xét điều chỉnh giá trị phát sinh chưa lường hết của dự án này. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, PVN và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền vẫn chưa có quyết định đối với đề nghị của Tổng Công ty. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng giá trị phát sinh ngoài hợp đồng sẽ được ký kết bổ sung.

**b) Thông tin tái cơ cấu Tổng Công ty**

Theo Nghị quyết số 2627/NQ-DKVN ngày 31 tháng 12 năm 2016, Quyết định số 104/QĐ-DKVN ngày 22 tháng 01 năm 2018 và Nghị quyết số 3696/NQ-DKVN ngày 21 tháng 6 năm 2018 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc phê duyệt kế hoạch tái cơ cấu PVC giai đoạn 2016 - 2020, các doanh nghiệp Tổng Công ty tiếp tục nắm giữ tối thiểu 51% vốn điều lệ trong giai đoạn 2016 - 2020 gồm: Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (PVC-PT) và Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC-MS). Cũng theo các Nghị quyết và Quyết định trên, Tổng Công ty sẽ thoái toàn bộ vốn đầu tư vào các công ty con còn lại trong giai đoạn 2016 - 2020. Đồng thời, Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội (PVC-HN), Công ty Cổ phần Thi công cơ giới và Lắp máy Dầu khí (PVC-ME) và Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung (PVC-MT) sẽ giải thể, phá sản trong trường hợp Tổng Công ty không thể thoái vốn; và Tổng Công ty sẽ thoái vốn toàn bộ tại các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác và chứng khoán kinh doanh trong giai đoạn 2016 - 2020. Hiện tại, Tổng Công ty đang cập nhật kế hoạch tái cơ cấu cho giai đoạn 2021 - 2025 và trình Tập đoàn Dầu khí Việt Nam phê duyệt.

**Vũ Thị Châm**  
Người lập biểu

**Nguyễn Đức Tuấn**  
Kế toán trưởng



**Chu Thanh Hải**  
Phó Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 2021